

BÁO CÁO

Về việc kết quả tự rà soát, xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn theo trình độ phát triển

Thực hiện Kế hoạch số 88/KH-UBND, ngày 15/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1434/SDTTG-DT ngày 16/11/2025, của Sở Dân tộc và Tôn giáo về việc triển khai thực hiện Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến kiến nghị của Tổ giúp việc của Sở Dân tộc và Tôn giáo với UBND xã Ba Vì tại buổi làm việc ngày 10/12/2025 về việc thẩm định rà soát xác định, phân định và lập danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030.

UBND xã Ba Vì báo cáo chính thức kết quả tự rà soát, xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn theo trình độ phát triển của xã Ba Vì, cụ thể như sau:

1. Kết quả rà soát, xác định thôn, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Tổng số thôn được rà soát, xác định trên địa bàn xã là: **14** thôn¹. Kết quả rà soát: 14/14 thôn được xác định là Thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó: **13** thôn đáp ứng các tiêu chí được quy định tại khoản 1, Điều 4 và khoản 1, Điều 5 Nghị định và **01** thôn đáp ứng tiêu chí được quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định.

- Như vậy, theo quy định tại khoản 2, Điều 4 và khoản 2, Điều 5 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ, thì xã Ba Vì được xác định là Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(Kèm theo mẫu số 1, 2)

2. Kết quả rà soát, xác định thôn đặc biệt khó khăn

Tổng số thôn được rà soát, xác định trên địa bàn xã là: **14** thôn. Trong đó:

2.1. Thôn đặc biệt khó khăn: xã tự phân định **13** thôn² đạt thôn đặc biệt khó khăn, vì đáp ứng từ 02 đến 03 tiêu chí quy định tại Điều 7, Nghị định số 272/2025/NĐ-CP. Cụ thể:

¹ **14 Thôn:** Nước Xuyên, Giá Vực, Mang Đen, Nước Ui, Gò Năng, Gò Vành, Mang Biều, Nước Tia, Krây, Làng Trui, Krên, Nước Lầy, Ba Lăng, Ta Noát.

² **13 Thôn:** Nước Xuyên, Mang Đen, Nước Ui, Gò Năng, Gò Vành, Mang Biều, Nước Tia, Krây, Làng Trui, Krên, Nước Lầy, Ba Lăng, Ta Noát

(1) Thôn Nước Xuyên đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 278 hộ, trong đó, có 30 hộ nghèo và 34 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 23.02%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 2.173m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 1.521m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 70%. Đánh giá: **Không đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 278 hộ, trong đó, có 223 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 80.22%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(2) Thôn Mang Đen đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 227 hộ, trong đó, có 18 hộ nghèo và 14 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 14%. Đánh giá: **Không đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 630m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 365m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 58%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 227 hộ, trong đó, có 181 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 80%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(3) Thôn Nước Ui đáp ứng 3/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 140 hộ, trong đó, có 13 hộ nghèo và 22 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 25%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 1.394m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 766m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 55%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 140 hộ, trong đó, có 120 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 86%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(4) Thôn Gò Nặng đáp ứng 3/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 153 hộ, trong đó, có 14 hộ nghèo và 25 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 25%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 2.189m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 1.247m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 57%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 153 hộ, trong đó, có 130 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 85%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(5) Thôn Gò Vành đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 202 hộ, trong đó, có 31 hộ nghèo và 19 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 25%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 1.086m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 760m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 70%. Đánh giá: **Không đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 202 hộ, trong đó, có 150 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 74%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(6) Thôn Mang Biều đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 149 hộ, trong đó, có 35 hộ nghèo và 20 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 37%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 526m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 394m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 75%. Đánh giá: **Không đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 149 hộ, trong đó, có 119 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 80%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(7) Thôn Nước Tia đáp ứng 3/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 139 hộ, trong đó, có 27 hộ nghèo và 16 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 31%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 1.143m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 674m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 59%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 139 hộ, trong đó, có 115 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 83%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(8) Thôn Krây đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 163 hộ, trong đó, có 45 hộ nghèo và 23 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 42%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 3.543m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 1.984m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 56%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 163 hộ, trong đó, có 155 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 95%. Đánh giá: **Không đáp ứng**

(9) Thôn Làng Trui đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 272 hộ, trong đó, có 63 hộ là hộ nghèo và có 30 hộ là hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 34%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có 1.372m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 1.000m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 58%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 272 hộ, trong đó, có 261 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 96%. Đánh giá: **Không đáp ứng**

(10) Thôn Krên đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 223 hộ, trong đó, có 41 hộ nghèo và 9 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 22%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 1.382m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 760m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 55%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 223 hộ, trong đó, có 223 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 100%. Đánh giá: **Không đáp ứng**

(11) Thôn Nước Lầy đáp ứng 2/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 165 hộ, trong đó, có 31 hộ nghèo và 13 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 27%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 6.902m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 3.727m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 54%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 165 hộ, trong đó, có 153 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 93%. Đánh giá: **Không đáp ứng**

(12) Thôn Ba Lãng đáp ứng 3/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 230 hộ, trong đó, có 25 hộ nghèo và 15 hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 17%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 685m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 376m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 55%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 230 hộ, trong đó, có 159 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 69%. Đánh giá: **Đáp ứng**

(13) Thôn Ta Noát đáp ứng 3/3 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí tỷ lệ nghèo đa chiều: Toàn thôn có 226 hộ, trong đó, có 23 hộ là hộ nghèo và có 18 hộ là hộ cận nghèo. Tỷ lệ nghèo đa chiều là 18%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ đường giao thông được cứng hóa, ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: Toàn thôn có khoảng 733m đường thôn, liên thôn. Trong đó, có 417m đường đã cứng hóa, đi lại ô tô, chiếm 57%. Đánh giá: **Đáp ứng**
- Tiêu chí tỷ lệ hộ gia đình sử dụng điện: Toàn thôn có 226 hộ, trong đó, có 162 hộ có hợp đồng sử dụng điện sinh hoạt, chiếm tỷ lệ 72%. Đánh giá: **Đáp ứng**

2.2. Thôn không thuộc thôn đặc biệt khó khăn: 01 thôn³, do thôn Giá Vực không đáp ứng cả 3 tiêu chí được quy định tại Điều 7, Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ.

(Kèm theo mẫu số 4, phân định thôn đặc biệt khó khăn)

3. Kết quả rà soát, phân định xã theo trình độ phát triển

Căn cứ các tiêu chí phân loại xã theo trình độ phát triển được quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ, xã Ba Vì tự đánh giá, rà soát như sau:

3.1. Tiêu chí số 1: Thu nhập bình quân đầu người (48.83% so với cả nước)

Thu nhập bình quân đầu người của xã là 31,64 triệu đồng/năm, bằng **48.83%** mức thu nhập bình quân đầu người cả nước (64,8 triệu đồng/năm). Số liệu được xác định từ báo cáo kinh tế - xã hội năm 2024, của 03 xã Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vì cũ.

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.2. Tiêu chí số 2: Tỷ lệ nghèo đa chiều (cao gấp 5,77 lần so với cả nước)

³ 01 Thôn: Giá Vực.

Trên cơ sở Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 của các xã cũ (Ba Vi, Ba Tiêu, Ba Ngạc) và Quyết định số: 3701/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ cũ “*Chuẩn y kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 – 2025*” thì tỷ lệ nghèo đa chiều của xã đến cuối năm 2024 là **23,39%**. Đối chiếu với tỷ lệ nghèo đa chiều cả nước năm 2024 là 4,06%. Như vậy, tỷ lệ nghèo đa chiều của xã cao hơn tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước là **5,77 lần**.

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.3. Tiêu chí số 3: Tỷ lệ hộ có hợp đồng mua bán điện (85,79%)

- Tổng số hộ ký hợp đồng mua bán điện các thôn trên địa bàn xã là 2.512 hộ/2.928 hộ, đạt **85,79%**. Có xác nhận của Đội tổng hợp điện lực Ba Tơ kèm theo.

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.4. Tiêu chí số 4: Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (9,87%)

- Hiện nay, trên địa bàn xã có 02 công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung (Mang Đen và Suối Quay), có hệ thống xử lý nước đáp ứng quy chuẩn nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn nước sạch tại Quyết định số: 05/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh. Hai công trình nói trên cung cấp nước sạch cho 289 hộ thuộc 2 thôn Nước Ui và Mang Biều được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; Do đó, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn trên địa bàn xã là 289 hộ/2928 hộ, chiếm **9,87%**.

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.5. Tiêu chí số 5 gồm 02 tiêu chí thành phần

3.5.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 72%

- Toàn xã có 34,1 km đường xã, trong đó:
+ Tổng chiều dài đã được bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 24,4 km, đạt 72%

+ Tổng chiều dài chưa được bê tông hóa là 9,7 km, chiếm 28%.

- Tuy nhiên, trên địa bàn xã có 02 cầu treo (Mang Đen và Nước Lầy), chỉ phục vụ đi lại bằng xe mô tô. Đây là đường xã duy nhất để đi từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn Mang Đen, Nước Ui, Nước Lầy. Vì vậy, mặc dù tỷ lệ đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa đạt cao; nhưng không đảm bảo ô tô đi lại thuận lợi quanh năm (*Chi tiết có biểu thống kê kèm theo*)

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.5.2. (hoặc) Tỷ lệ đường xuống cấp nghiêm trọng

Tổng chiều dài đường xã của xã Ba Vi đã được bê tông hóa là 24,4 km, trong đó tổng chiều dài bị hư hỏng, xuống cấp là 6,96 km. Vì vậy, tỷ lệ đường xã bị hư hỏng ô tô đi lại thuận lợi quanh năm là khoảng 3km/24,4km đạt **12,3%**. Phần

lớn các đoạn đường xã hư hỏng do thiên tai, dẫn đến sạt lở taluy dương, đi lại khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông vào mùa mưa bão.

=> Tự đánh giá: **Không đáp ứng**

3.6. Tiêu chí số 6: Y tế xã chưa đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia giai đoạn đến năm 2030

Hiện nay, 03/03 trạm y tế trên địa bàn xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế, được công nhận tại các quyết định: Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 đối với TYT Ba Vi và TYT Ba Tiêu; Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 đối với TYT Ba Ngạc.

=> Tự đánh giá: **Không đáp ứng**

3.7. Tiêu chí số 7: tỷ lệ số trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 1(28,57%)

Tổng các trường thuộc các cấp học: Mầm non, cấp 1, cấp 2 trên địa bàn xã là 07 trường. Hiện nay có 2/7 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định mức độ 1, tỷ lệ đạt 28,57% (Quyết định số: 1932/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 đối với Trường Mầm non Ba Ngạc; Quyết định số: 26/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 đối với Trường Mầm non Ba Vi).

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.8. Chưa có hoặc có nhà ở nội trú cho học sinh nhưng chưa đáp ứng đủ chỗ ở của học sinh

Tổng các trường thuộc các cấp học: cấp 1, cấp 2 trên địa bàn xã là 04 trường. Hiện nay, cả 04 trường học: TH&THCS Ba Ngạc, TH&THCS Ba Vi, TH Ba Vi, THCS Ba Vi đều không có nhà ở bán trú cho học sinh.

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.9. Tỷ lệ đất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (71,4%)

Tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã là 704,42 ha, trong đó diện tích được tưới và tiêu nước chủ động là 5.029,55 ha, chiếm đạt 71,4%.

=> Tự đánh giá: **Không đáp ứng**

3.10. Chưa có TT Văn hóa – Thể thao cấp xã hoặc Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã đạt chuẩn

Hiện nay, xã chưa có Trung tâm VH-TT cấp xã đáp ứng yêu cầu (theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL quy định về mẫu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã)

=> Tự đánh giá: **Đáp ứng**

3.11. Tỷ lệ thôn có dịch vụ truy cập internet di động hoặc internet băng rộng cố định (92,86%)

Trên địa bàn xã, 13/14 thôn đã được cung cấp internet băng rộng cố định; và 1 thôn (K rầy) chưa được cung cấp internet băng rộng cố định. Theo nội dung xác nhận của các đơn vị Viettel Ba Tơ và Trung tâm viễn thông Ba Tơ (Có xác nhận kèm theo).

3.12. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh (73,53%)

Qua đánh giá của 3 Trạm Y tế về số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh, trên địa bàn xã như sau:

- Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: 2.153 hộ
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: 2.153 hộ / 2.928 hộ = **73,53%**

Căn cứ kết quả tự rà soát 12 tiêu chí, xã Ba Vì đạt 9/12 tiêu chí; Đồng thời, xã có 13/14 thôn qua rà soát thuộc thôn đặc biệt khó khăn, chiếm 92,86%. Như vậy, theo khoản 3, Điều 8 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ, xã Ba Vì được phân định theo trình độ phát triển là xã **khuvực III**.

(Kèm theo mẫu số 5, rà soát, xác định xã theo trình độ phát triển)

UBND xã Ba Vì kính báo cáo kết quả tự rà soát, phân định thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 272/2025/NĐ-CP. Kính trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh;
- Tổ giúp việc – Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các Tổ chức CT-XH xã;
- Văn phòng HĐND&UBND xã;
- Các Phòng: Kinh tế, Văn hóa – Xã hội;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thành Minh Thuận

PHỤ LỤC TỰ ĐÁNH GIÁ, RÀ SOÁT 12 TIÊU CHÍ PHÂN ĐỊNH XÃ THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN

(Số liệu theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Ba Vì)

STT	Tiêu chí phân định	Xác nhận số liệu của xã Ba Vì	Kết quả rà soát	Dẫn chứng
1	Thu nhập bình quân đầu người so với cả nước (64,8tr/ng/năm)	31.64 triệu đồng/năm (bằng 48.83% cả nước)	ĐÁP ỨNG (<50%)	Số liệu báo cáo kinh tế - xã hội năm 2024 của 03 xã Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Vì cũ
2	Tỷ lệ nghèo đa chiều so với cả nước (4,06%)	Tỷ lệ hộ nghèo của xã là 23,39%, cao hơn mức trung bình cả nước 5.77 lần	ĐÁP ỨNG (>2 lần)	Quyết định số: 3701/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Ba Tơ “Chuẩn y kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 (31/12/2024)
3	Tỷ lệ hộ có hợp đồng điện	85,79%	ĐÁP ỨNG (<95%)	Theo kết quả rà soát hồ sơ hợp đồng mua bán điện do điện lực cung cấp và kết quả tự đánh giá của các thôn về các hộ dân có hợp đồng sử dụng sinh hoạt. (Có xác nhận của điện lực Ba Tơ)
4	Tỷ lệ hộ dùng nước sạch	9,87%	ĐÁP ỨNG (<30%)	Hiện nay, trên địa bàn xã có 02 công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung (Mang Đen và Suối Quay), có xử lý nước đáp ứng quy chuẩn nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn nước sạch theo QĐ 05/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh
5	5.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa/bê tông hóa, đi lại ô tô	72%	ĐÁP ỨNG (<80%)	Có phụ lục rà soát chi tiết kèm theo
	5.2. Tỷ lệ đường xã xuống cấp nghiêm trọng	12,3%	KHÔNG ĐÁP ỨNG (>50%)	
6	Y tế xã đạt chuẩn	03/03 trạm y tế đạt chuẩn	KHÔNG ĐÁP ỨNG	Quyết định số: 505/QĐ-UBND ngày 25/04/2024 của Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số: 818/QĐ-UBND ngày 30/05/2025 của Ủy ban nhân tỉnh Quảng Ngãi
7	Tỷ lệ trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức 1	28.57%	ĐÁP ỨNG (<50%)	Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
8	Nhà ở nội/bán trú cho học sinh	Chưa có	ĐÁP ỨNG	Hiện nay, các trường học trên địa bàn xã không có nhà bán trú cho học sinh
9	Tỷ lệ đất SXNN được tưới tiêu chủ động	71.4%	KHÔNG ĐÁP ỨNG (>50%)	
10	Trung tâm VH-TT cấp xã	Chưa có	ĐÁP ỨNG	Hiện nay, xã chưa có Trung tâm VH-TT cấp xã đáp ứng yêu cầu (theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL quy định về mẫu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã)
11	Tỷ lệ thôn có internet	92,86%	ĐÁP ỨNG (<95%)	Có xác nhận của 2 đơn vị VNPT& VIETTEL Ba Tơ đối với địa bàn đã cung cấp internet băng rộng cố định (theo đó, toàn xã còn 01 thôn (Krây) chưa được cung cấp dịch vụ internet băng rộng cố định
12	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh	73.53%	KHÔNG ĐÁP ỨNG (≥50%)	